TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 137/2019/DS-PT
Ngày: 09 - 5 - 2019
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1962; trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1962; trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trịnh Thanh L2 là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trịnh Thanh L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi; địa chỉ trụ sở: Khóm 1, thị t, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt).

2. Ông Đói Văn P- Sinh năm 1961 (có mặt).

Trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C .

3. Chị Đói Mỹ T4; trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt).

4. Chị Đói Mỹ N; trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt).

5. Chị Đói Mỹ A; trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt).

6. Ông Trần Hoàng L1 - sinh năm 1954 (có mặt)

Trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C .

7. Chị Trần Thùy T2; trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

8. Chị Trần Thùy D; trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

Bà Nguyễn Thị M1 là người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thùy T2 và chị Trần Thùy D (văn bản ủy quyền ngày 29/5/2017).

9. Anh Lê Quốc H2, sinh năm 1977; trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt).

10. Ông Nguyễn Thanh H5, sinh năm 1954; trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt).

11. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1932; trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của bà Nguyễn Thị H4:

+ Chị Nguyễn Thị Thía; trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt)

+ Chị Nguyễn Thị T3; trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt)

+ Chị Nguyễn Thị H3; trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị H1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị M1 trình bày:

Năm 1995 bà với bà Nguyễn Thị H4 (là chị ruột của bà Nguyễn Thị H1) đổi đất với nhau để sản xuất, diện tích đất bà đổi cho bà H4 là 01 công 2 gốc 3, còn bà nhận của bà H4 05 công mà hiện nay tranh chấp theo đo đạc là 6.884,4m^2. Bà quản lý phần đất tranh chấp này từ đó cho đến nay, còn phần đất của bà đổi cho bà H4, bà đã giao cho bà H4. Đến năm 2014 bà H4 chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nhận đổi của bà với diện tích đất của bà H4, tổng cộng khoảng 12 công cho anh Lê Quốc H2. Khi đo đất cấp quyền sử dụng cho anh H2 thì bà có chứng kiến và ký tên trong biên bản đo đạc.

Năm 2015, bà yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đầm Dơi đo đạc để cấp quyền sử dụng đất cho bà đối với diện tích đất bà nhận chuyển đổi của bà H4. Cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đầm Dơi và cán bộ địa chính xã Tân Đức giải thích là bà đã đổi đất với bà H4 nhưng quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn Được là cha bà H4 đứng tên, ông Được đã chết, bà H4 thì bị bệnh tai biến nên không thể chuyển quyền sử dụng cho bà H4 được mà phải chuyển quyền sử dụng phần đất này cho chị em bà H4 đứng tên rồi mới chuyển quyền sử dụng cho bà được. Sau đó bà mới nhờ bà H1 làm thủ tục chuyển thừa kế từ ông Được sang cho bà H1 đứng tên và có đưa cho bà H1 2.000.000 đồng tiền đi lại. Khi bà H1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà H1 không chịu chuyển quyền lại cho bà đứng tên như đã hứa mà bà H1 cho rằng đất này bà được cha bà cho lại và có ý định chiếm đoạt đất của bà.

Nay bà yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà H1 đứng tên để cấp lại cho bà, diện tích theo đo đạc thực tế là 6.884,4m^2 tại tờ bản đồ số 5, thửa số 9, tọa lạc tại ấp Thuận Hòa, xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi.

Ông Trần Hoàng L1, chị Trần Thùy T2, chị Trần Thùy D là chồng, con của bà Nguyễn Thị M1 đồng ý với yêu cầu và trình bày của bà M1.

Bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Cụ Nguyễn Văn Được là cha ruột của bà và bà Nguyễn Thị H4. Khi còn làm nông nghiệp cha bà cho bà H4 mượn tạm 10 công để trồng lúa. Khi chuyển dịch sang nuôi trồng thủy sản do phần đất cha bà cho bà H4 mượn không có đường nước xổ ra sông vì phần đất bà Nguyễn Thị M1 chắn ngang phần đất này. Bà H4 nhiều lần thỏa thuận với bà M1 chuyển nhượng đất của bà M1 để làm đường xổ nước ra sông nhưng bà M1 không đồng ý. Năm 1995 bà H4 lấy 05 công đất của cha bà cho mượn để đổi lấy 01 công 2 gốc 3 đất của bà M1, nhưng cha bà và anh chị em bà đều không hay biết. Đến khi cha bà hay thì bà H4 nói chỉ đổi tạm với bà M1. Năm 2005 cha bà họp gia đình phân chia đất cho bà H4 12 công đất, phân chia cho bà 05 công, tức là phần đất tranh chấp. Lúc này bà H4 hợp đồng đổi đất với bà M1 tới 20 năm nên bà chưa lấy lại được. Năm 2015 bà M1 đến gặp bà hỏi chuyển nhượng 05 công đất này vì bà M1 biết đây là đất của bà. Bà đồng ý, sau đó bà M1 đưa cho bà 2.000.000 đồng để đi làm giấy tờ chuyển thừa kế từ cha bà sang cho bà đứng tên, để chuyển nhượng cho bà M1. Khi bà H4 bị bệnh tai biến thì bà M1 lật lại cho rằng bà H4 đã đổi đất luôn cho bà M1 và yêu cầu bà chuyển tên quyền sử dụng đất nên xảy ra tranh chấp. Nay bà yêu cầu phản tố buộc bà M1 trả lại cho bà diện tích đất tranh chấp 6.884,4m^2.

Ông Đói Văn P, chị Đói Mỹ T4, chị Đói Mỹ N, chị Đói Mỹ A, chồng, con của bà Nguyễn Thị H1 đồng ý với yêu cầu và trình bày của bà H1.

Anh Lê Quốc H2 trình bày:

Anh xác định bà M1 trình bày là đúng sự thật của vụ việc tranh chấp. Năm 2015 anh chuyển nhượng đất của bà Nguyễn Thị H4 trong đó có 1 công 2 gốc 3 mà bà H4 đã nhận chuyển đổi của bà Nguyễn Thị M1. Lúc này phía gia đình nguyên đơn, bị đơn vẫn biết, chứng kiến và đều thống nhất chứ không có phản đối.

Ông Nguyễn Văn Hà trình bày:

Ông xác định bà M1 trình bày là đúng. Năm 1990 cha ông cho đất cho ông và ý kiến sau khi cha ông chết thì ông phải cho lại đất cho bà M1. Thực hiện theo ý nguyện của cha ông nên năm 1990 ông cho lại bà M1 phần đất tiếp giáp sông nhưng quyền sử dụng đất ông vẫn còn đứng tên. Sau này bà M1 đổi đất với bà H4 ông vẫn đồng ý vì đất ông đã cho bà M1 rồi. Còn việc bà H4 được cấp quyền sử dụng trùm lên phần đất của ông thì ông không có khiếu nại gì, bởi ông đã cho bà M1.

Chị Nguyễn Thị H3 trình bày:

Khi mẹ chị là bà Nguyễn Thị H4 còn minh mẫn thì có nói giữa bà H4 với bà Nguyễn Thị M1 có đổi đất với nhau, sau đó bà M1 mới lấy phần đất đổi với mẹ chị chuyển nhượng cho anh Lê Quốc H2. Còn phần đất mẹ bà đổi với bà M1 thì ông ngoại cho dì ruột là bà Nguyễn Thị H1. Hiện tại bà H4 bị bệnh tai biến rất nặng,

không còn nhớ gì để trình bày về việc tranh chấp này. Còn phần đất tranh chấp giữa bà M1 với bà H1 chị không có quyền lợi gì, nên không có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị T3, chị Nguyễn Thị Thía không có trình bày ý kiến gì.

Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi trình bày:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H1 được cấp theo thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất từ cha là cụ Nguyễn Văn Được. Trong quá trình thực hiện thủ tục thì Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có phân công cán bộ chuyên môn đến trực tiếp để đo đạc, xác định ranh giới, hiện trạng phần đất để lập thủ tục theo quy định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 95, 99, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí; khoản 1, 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M1. Buộc bà Nguyễn Thị H1 chuyển tên quyền sử dụng đất mà bà H1 được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp ngày 15/10/2015 là 6.877m^2 (theo thẩm định tại chỗ là 6.884,4m^2) ở thửa số 09 tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại ấp Thuận Hòa, xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau cho bà Nguyễn Thị M1 đứng tên theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà H1 gây khó khăn thì bà M1 được chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, làm các thủ tục sang tên đăng ký quyền sử dụng đất.

Bác yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị H1 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị M1 trả lại cho bà diện tích đất theo thẩm định tại chỗ là 6.884,4m^2 ở thửa số 09 tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại ấp Thuận Hòa, xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, có tứ cận:

Hướng Đông giáp với phần đất bà Nguyễn Thị M1 đang quản lý, sử dụng.

Hướng Tây giáp phần đất anh Lê Quốc H2 đang quản lý, sử dụng.

Hướng Nam giáp với phần đất anh Lê Quốc H2 đang quản lý, sử dụng.

Hướng Bắc giáp với đất ông Nguyễn Văn Hà, Nguyễn Hoàng Nam và Huỳnh Văn Thu.

(Theo sơ đồ Thẩm định tại chỗ ngày 07/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau)

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/02/2019 bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo với nội dung: Đất bà H4 đổi cho bà M1 là do cha bà là cụ Nguyễn Văn Được cho bà, khi bà H4 đổi với bà M1 chỉ là đổi tạm. Công văn số 3985/UBND-VP ngày 14/12/2108 của Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi xác định bà H4 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh H2

vào tháng 02/2014 nhưng công văn số 03/CV-UBND ngày 25/6/2018 của UBND xã Tân Đức lại xác định năm 2015 bà M1 đến Ủy ban làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất là có mâu thuẫn. Đề nghị bác đơn khởi kiện của bà M1, công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý sử dụng, định đoạt của bà, yêu cầu bà M1 cùng những người liên quan giao trả phần đất trên cho bà.

Tại phiên tòa, bà H1 giữ nguyên kháng cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H1 tranh luận: Ngày 09/6/2014 bà H4 tách diện tích 15.425m^2 từ đất cụ Được sang bà H4, bà H4 chuyển nhượng cho anh H2, diện tích này không ai tranh chấp với anh H2. Hiện nay quyền sử dụng của anh H2 có luôn phần đất của ông H5 nhưng thực tế đất anh H2 sử dụng là lớn hơn nên yêu cầu Hội đồng xét xử đo đạc, thẩm định lại đất của anh H2; Cơ quan địa chính làm sai vì phần đất bà M1 và bà H4 đổi với nhau lại do ông H5 và cụ Được đứng tên quyền sử dụng; Uỷ ban nhân dân huyện Đầm Dơi trả lời cấp quyền sử dụng đất cho bà H1 là đúng theo quy định của pháp luật nhưng việc cấp quyền sử dụng đất cho anh H2 đúng quy định pháp luật hay không thì chưa thể hiện rõ và cũng chưa có thủ tục chuyển quyền sử dụng từ bà M1 sang bà H4; Cần xác định việc chuyển quyền sử dụng đất từ ông H5 sang cho bà H4 và từ bà H4 sang anh H2 đúng theo quy định pháp luật hay không; Một chứng cứ khác là video ghi hình cuộc họp gia đình về việc cụ Được cho đất cho các con. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà H1.

Bà M1 không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 bộ luật tố tụng dân sự, hủy án sơ thẩm với lý do: Bà M1 yêu cầu hủy giấy chứng nhận đã cấp cho bà H1 nên Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là vượt quá thẩm quyền theo khoản 4 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự; Quyền sử dụng đất do bà H1 đứng tên nhưng không tuyên hủy nên không thể giao cho bà M1 đi thực hiện thủ tục để cấp quyền sử dụng được; Chưa xác định được thủ tục đổi đất giữa bà H4 và bà M1, chưa xác định được diện tích đất của anh H2 được cấp từ thủ tục nào và diện tích đất anh H2 sử dụng là bao nhiêu. Do hủy án nên không xem xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà H1: Theo yêu cầu của bà H1 cũng như quá trình giải quyết bà H1 thừa nhận bà và cha bà là cụ Nguyễn Văn Được biết việc bà H4

đổi đất với bà M1 nhưng cụ Được không phản đối, bà H4 sử dụng đất của bà M1 từ năm 1995 đến năm 2015 sau khi cụ Được chết mới phát sinh tranh chấp. Bà H1 cho rằng cụ Được có di chúc phần đất tranh chấp cho bà H1, vấn đề này thuộc phạm vi cá nhân giữa bà H1 và gia đình bà vì thời điểm năm 1995 cụ Được đã biết bà H4 đổi đất với bà M1, bà M1 canh tác đất bà H4 nhưng gia đình cụ Được không ai làm rõ vấn đề này để lập di chúc rõ ràng mà mặc nhiên xem việc đổi đất là không có là không đúng thực tế. Bà H1 cho rằng việc đổi đất giữa bà M1 với bà H4 có thời hạn 20 năm, đến năm 2015 là hết hạn nhưng bà H1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh, trong khi đó bà M1 cung cấp giấy đổi đất với bà H4 không xác định thời hạn (BL 01). Tại phiên tòa bà H1 cũng thừa nhận việc cụ Được cho đất các anh chị em của bà là đã cho trước đó nhưng đến năm 2005 mới lập di chúc. Như vậy có cơ sở xác định bà H4 đã sử dụng phần đất đang tranh chấp từ trước đó và đã đổi đất cho bà M1.

[2] Xét di chúc của cụ Được cho bà H1 05 công đất nhưng không nêu cụ thể vị trí và khi bà H1 làm thủ tục để được cấp quyền sử dụng đất nhận thừa kế từ cụ Được thì lại thể hiện diện tích nhận là 25.606m^2 của thửa 9 và 17 từ phần đất của cụ Được (BL 164,166), tại phiên tòa bà H1 khẳng định khi cụ Được qua đời, phần đất của cụ Được đã chia cho các con trước đó và họ đã canh tác ổn định, chỉ còn lại 05 công đất của bà H1 là bà H1 không sử dụng do cho bà H4 mượn.

Như vậy, không loại trừ khả năng khi cụ Được để lại di chúc đã trừ phần đất bà H4 đổi đất với bà M1. Mặt khác, trong giấy chứng nhận của bà H1 thể hiện phần đất được cấp là 6.877m^2 phần đất này trước khi bà H1 được cấp thì bà M1 đã đi đăng ký kê khai được chính quyền địa phương xác nhận và chính quyền địa phương biết được việc đổi đất giữa bà M1 và Bà H4 nên hướng dẫn để bà M1 thực hiện thủ tục, sau đó mới có việc bà H1 đi thực hiện thủ tục cấp quyền sử dụng đất như nhận định của cấp sơ thẩm là có căn cứ. Nếu như không có việc bà M1 nhờ bà H1 làm thủ tục để bà H1 được cấp quyền sử dụng, sau đó để chuyển tên lại cho bà M1 thì thời điểm bà H1 làm thủ tục đứng tên đã phát sinh tranh chấp vì bà M1 đang là người sử dụng đất sẽ không chấp nhận cho phía bà H1 đo đạc để đứng tên quyền sử dụng đất. Thực tế khi bà H1 làm thủ tục đo đạc cấp quyền sử dụng ngày 26/8/2015 là cùng ngày bà M1 làm thủ tục chuyển tên từ ông H5 sang tên bà M1 và cũng do hai cán bộ đo đạc phần đất của bà H1 thực hiện. Văn phòng đăng ký đất đai có xác nhận "Hai bên ghi nhận có đổi đất với nhau" (BL358, 343, 362), chứng tỏ hai bên không ai tranh chấp, chỉ đến khi bà H1 đứng tên quyền sử dụng mà không chuyển tên cho bà M1 thì mới phát sinh tranh chấp.

[3] Bà H1 và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà H1 đề nghị đo đạc, thẩm định lại làm rõ diện tích sử dụng đất của anh H2 đứng tên do phần đất chưa rõ ràng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy án với lý do chưa xác định rõ về diện tích đất liên quan đến phần đất của ông H5, bà M1 và bà H4: Xét thấy, anh H2 đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 15.425m^2 là xuất phát từ việc anh H2 nhận chuyển nhượng đất từ bà H4. Phần đất của bà M1 là do ông H5 cho bà M1 và

do ông H5 đứng tên, bà M1 đổi đất với bà H4 nên diện tích đất của bà H4 sử dụng có trùng lên phần đất của ông H5, ông H5 và bà M1 đều thống nhất để cho bà H4 đứng tên vì việc đổi đất là thực tế có xảy ra, đất của bà H4 thì bà M1 canh tác, đất của bà M1 thì bà H4 canh tác, bà H1 cũng thừa nhận việc đổi đất này. Do đó, việc làm rõ diện tích của anh H2 là bao nhiêu là không cần thiết do hiện trạng đã thay đổi, không còn giống như thời điểm bà M1 và bà H4 đổi đất năm 1995.

Theo giấy chứng nhận của bà H4 được cấp là có phần đất của ông H5, diện tích thửa 113 do ông H5 đứng tên cho bà M1 là 6.700m^2 (BL 35) chuyển sang tên của bà M1 chỉ còn 3.128m^2 tại thửa 432, 433 (BL 04), đất bà H4 được cấp quyền sử dụng là 15.425m^2 (BL 353). Trong khi đó đất của cụ Nguyễn Văn Được giáp với thửa 113 của ông Nguyễn Văn Hà (BL 345). Xét giấy chứng nhận của bà H4 cấp trùng đất của ông H5 nhưng không rõ là trùng bao nhiêu, cả hai bên không ai tranh chấp việc thiếu đất hay thừa đất mà chỉ tranh chấp phần đất thực tế bà M1 đang canh tác còn bà H1 thì được cấp quyền sử dụng đất. Do đó không chấp nhận đề nghị của phía bà H1 và đại diện Viện kiểm sát.

[4] Xét thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho bà H1, các đồng thừa kế của cụ Được không ai tranh chấp và khi bà H1 thực hiện thủ tục cấp quyền sử dụng đất thì bà M1 là người sử dụng đất cũng không phản đối nên Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp quyền sử dụng đất cho bà H1 là đúng theo trình tự nên không hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H1. Bà M1 chỉ cần đi đăng ký để được cấp quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án nên đề nghị của Viện kiểm sát không được chấp nhận.

[5] Từ nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bà H1, không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do yêu cầu kháng cáo của bà H1 không được chấp nhận nên bà H1 phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 95, 99, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí; khoản 1, 2

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M1. Buộc bà Nguyễn Thị H1 chuyển tên quyền sử dụng đất mà bà H1 được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp ngày 15/10/2015 là 6.877m^2 (theo thẩm định tại chỗ là 6.884,4m^2) ở thửa số 09 tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại ấp Thuận Hòa, xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau cho bà Nguyễn Thị M1 đứng tên theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà H1 gây khó khăn thì bà M1 được chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, làm các thủ tục sang tên đăng ký quyền sử dụng đất.

Bác yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị H1 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị M1 trả lại cho bà diện tích đất theo thẩm định tại chỗ là 6.884,4m^2 ở thửa số 09 tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại ấp Thuận Hòa, xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, có tứ cận:

Hướng Đông giáp với phần đất bà Nguyễn Thị M1 đang quản lý, sử dụng.

Hướng Tây giáp phần đất anh Lê Quốc H2 đang quản lý, sử dụng.

Hướng Nam giáp với phần đất anh Lê Quốc H2 đang quản lý, sử dụng.

Hướng Bắc giáp với đất ông Nguyễn Văn Hà, Nguyễn Hoàng Nam và Huỳnh Văn Thu.

(Theo sơ đồ thẩm định tại chỗ ngày 07/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau)

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 200.000đ đối với yêu cầu khởi kiện của bà M1 được chấp nhận và 300.000đ đối với yêu cầu phản tố của bà không được chấp nhận. Bà H1 đã nộp 3.400.000 tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai số 001085 ngày 12/5/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được nhận lại 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị M1 nộp 200.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm biên lai số 000984 ngày 07/12/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải chịu là 7.480.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) để trả lại cho bà Nguyễn Thị M1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà M1 cho đến khi thi hành xong 7.480.000 đồng, hàng tháng bà H1 phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009058 ngày 15/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà